

Số: /BC-UBND

Ba Động, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị Quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Theo đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 4119/STC-QLN ngày 17/11/2025 của về việc phối hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 111/NQ-CP; Công văn số 4460/STC-QLN ngày 27/11/2025 việc đôn đốc phối hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại các Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 của Chính phủ. UBND xã Ba Động báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa (CNH, HĐH) trên địa bàn xã trong năm 2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-CP:

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt Nghị quyết:

Ngay sau khi trung ương và Chính phủ ban hành Nghị quyết 29-NQ/TW và Nghị quyết 111/NQ-CP, Đảng ủy xã đã tổ chức các hội nghị quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, bí thư chi bộ, trưởng thôn trên địa bàn xã.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch về thực hiện Nghị quyết 111/NQ-CP, lồng ghép nội dung CNH, HĐH nông nghiệp – nông thôn vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và Kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của xã.

Tập trung tuyên truyền trên hệ thống đài phát thanh xã; đồng thời phối hợp với Mặt trận và các tổ chức đoàn thể xã tham gia các buổi họp thôn triển khai các nội dung trọng tâm, như: chuyển đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển kinh tế rừng, chăn nuôi tập trung.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao:

UBND xã xác định CNH, HĐH ở địa phương chính là hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững, với các nhiệm vụ cụ thể đã và đang thực hiện:

*** Sản xuất nông – lâm nghiệp:**

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 2616,9 tấn.

+ Sản lượng thóc: 2483,8 tấn.

+ Sản lượng ngô: 108,66 tấn.

* Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã là 6.468 con (Đàn Trâu 2.342 con, đàn Bò 1.265 con, đàn Heo 6.893, đàn gia cầm 35.000 con). Nhìn chung tình hình phát triển chăn nuôi được duy trì, đàn gia súc, gia cầm tương đối ổn định.

* *Phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm*: Vừa qua trên địa bàn xã xảy ra dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, UBND xã đã kịp thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn xử lý dập dịch, hướng dẫn hộ dân thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại nhờ thể dịch bệnh được kiểm soát, không lây lan ra diện rộng.

* *Thủy lợi nhỏ, thủy lợi cộng đồng*: Thường xuyên chỉ đạo các thôn tiến hành kiểm tra công trình thủy lợi, đập bồi, vận động Nhân dân nạo vét kênh mương nội đồng, khai thông các cống rãnh và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ cho sản xuất và kế hoạch phục vụ sản xuất các vụ tiếp theo trên địa bàn xã.

* *Bảo vệ và phát triển rừng*: Thực hiện nghiêm Chỉ thị 13-CT/TW; tuyên truyền công tác quản lý, bảo vệ rừng tại các thôn; khoanh nuôi, bảo vệ 100% diện tích rừng đầu nguồn.

II. Những kết quả đạt được:

1. Về cơ chế, chính sách:

Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS & miền núi: cấp giống cây trồng, con giống, phân bón, tiêm phòng miễn phí; hỗ trợ quà dịp lễ 02/9/2025; hỗ trợ người có công, hộ nghèo, cận nghèo.

Chính sách giảm nghèo đa chiều được thực hiện nghiêm túc, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 trên địa bàn xã từ 9,07% xuống còn 7,49%.

2. Về sự phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

- Năng suất lúa nước bình quân đạt 59 tạ/ha, đạt 105,10% so với kế hoạch (KH 42,27 tạ/ha); một số hộ tiên tiến đã áp dụng giống lúa mới (HT1, TBR225), kỹ thuật gieo sạ, bón phân theo công thức.

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng: đạt 78 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 9%, trong đó công nghiệp 6%. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng 33,47%. Một số ngành nghề truyền thống phát triển ổn định như: mộc dân dụng, cơ khí, dệt thổ cẩm,... góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 52,98% năm 2021 lên 61,97%. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp; thu hút phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên: Trên địa bàn xã có Cụm Công nghiệp Ba Động, thu hút được nhiều doanh nghiệp từ nơi khác đến đầu tư, kinh doanh góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp và thương mại dịch vụ.

- Đã triển khai và thực hiện đầu tư giao thông từ trung tâm xã đến các thôn, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông, tạo đà cho các hoạt động thương mại dịch vụ, lưu thông hàng hóa giữa nhân dân trong thôn với các vùng lân cận góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tuyên nâng cấp, mở rộng đường Quốc lộ 24 đi thôn Tân Long, Huy Ba 1, Huy Ba 2 với kinh phí xây lắp là 5,224 tỷ đồng đang hoàn thiện dự án.

- Hạ tầng thủy lợi được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất. Toàn xã có: 02 hồ chứa nước lớn (Hồ Núi Ngang, Hồ Suối Loa) và 09 Đập ngăn nước đã góp phần đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Về xây dựng nông thôn mới: thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được cả hệ thống chính trị vào cuộc cùng với sự đồng thuận của nhân dân, huy động mọi nguồn lực, tính đến nay có 02 xã (Ba Động, Ba Liên) đã hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới. Dự kiến đến năm 2025 đạt 15/19 tiêu chí.

- Hạ tầng giáo dục, y tế, công nghệ thông tin:

+ Về lĩnh vực giáo dục, trên địa bàn xã có 07 trường học các cấp (Mầm non 03, Tiểu học 02, THCS 01 và TH &THCS 01) trong đó có 05 trường đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên từ khi Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ra đời quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật, vì vậy một số trường không đảm bảo về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, nên không đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Hạ tầng y tế: Có 03 Trạm y tế xã được đầu tư xây dựng đảm bảo duy trì chăm sóc, khám sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

+ Hạ tầng công nghệ thông tin: Trên địa bàn có 03 trạm tiếp và phát sóng truyền thanh đảm bảo phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến tận người dân. Tuy nhiên, một số cụm loa hoạt động chưa hiệu quả; hệ thống mạng lưới internet, các nhà mạng điện thoại phủ sóng trên toàn xã 100%. Cán bộ, công chức xã được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Đời sống đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện rõ rệt, tạo tiền đề quan trọng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vùng cao.

III. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân:

1. Hạn chế, tồn tại:

- Sản xuất nông nghiệp vẫn còn mang tính nhỏ lẻ, phụ thuộc lớn vào thời tiết; dịch bệnh gia súc tiềm ẩn nguy cơ tái phát. Một số tuyến đường liên thôn chưa được cứng hóa, gây khó khăn trong vận chuyển hàng hóa.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, lao động có tay nghề còn thấp; chưa có hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong nông nghiệp còn rất chậm.

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi có chuyển biến nhưng còn chậm; Phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ, một bộ phận người dân chưa chú tâm đến công tác chăm sóc, bảo vệ đàn vật nuôi.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng còn nhiều khó khăn, ý thức của một bộ phận người dân còn hạn chế trong việc sử dụng lửa trong rừng, đốt ong, đốt dọn thực bì nên nguy cơ tiềm ẩn cháy rừng. Chưa coi trọng việc trồng cây gỗ lớn. Thu nhập của người dân làm nghề rừng còn thấp, chưa ổn định, giá thu mua nguyên liệu rừng trồng bấp bênh.

- Việc chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất hiệu quả còn thấp, các mô hình khuyến nông, khuyến lâm chưa được nhân rộng.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đạt yêu cầu; công tác tuyên truyền, đưa người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài chưa đạt chỉ tiêu trên giao.

- Hợp tác xã đã thành lập tuy nhiên hoạt động chưa đem lại hiệu quả rõ rệt, thành viên chưa thực sự tin tưởng gắn bó với hợp tác xã.

2. Nguyên nhân:

- Một bộ phận cán bộ và người dân còn tư duy tự cung tự cấp, ngại thay đổi, chưa mạnh dạn đầu tư sản xuất hàng hóa, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới.

- Trình độ dân trí và kỹ năng lao động của đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế.

- Chưa có nhiều mô hình liên kết chuỗi giá trị, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp vùng cao để dẫn dắt nông dân sản xuất theo hướng CNH, HDH.

- Thiếu cơ chế, chính sách đặc thù và đồng bộ mặc dù đã có các chính sách ưu tiên, nhưng việc triển khai còn nhiều bất cập, chưa tạo được đột phá. Sự phối hợp giữa các chương trình mục tiêu quốc gia đôi khi còn chồng chéo.

- Hạn chế trong công tác quy hoạch và quản lý, quy hoạch phát triển công nghiệp chưa thực sự sát với tiềm năng và thế mạnh của địa phương.

- Hạn chế trong việc huy động và sử dụng vốn, khả năng tự cân đối ngân sách thấp, việc sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ đôi khi còn dàn trải, kém hiệu quả.

- Trình độ dân trí và thói quen sản xuất chưa cao, thói quen sản xuất nhỏ lẻ, lạc hậu của người dân làm cản trở việc tiếp thu công nghệ và phương thức sản xuất mới.

IV. Kiến nghị, đề xuất:

Trên cơ sở những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế nêu trên, Ủy ban nhân dân xã Ba Động kính đề nghị UBND tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm một số nội dung sau:

- Đề nghị xem xét kéo dài thời gian thực hiện dự án của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 sang năm 2026.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động trẻ đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW.

Trên đây là Báo cáo của UBND xã Ba Động kính về tình hình thực hiện Nghị Quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, PKT(lbd).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Viễn

